

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày **07- 3 - 2024**
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - là Thư ký viên Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Kim Luyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 493/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2023/QĐXXST-DS ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Giã Hồng N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp R B, xã P L, huyện T V Ti, tỉnh C M. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hồ Mắt L; Bà Nguyễn Mỹ C

Cùng địa chỉ: số 37, ấp B T, xã Đ B, thành phố C M, tỉnh C M. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Hồ Mỹ N

Địa chỉ: số 37, ấp B Th, xã Đ B, thành phố C M, tỉnh C M. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện: Bà Giã Hồng N có cho Ông Hồ Mắt L vay tiền 03 lần cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 06/6/2022 âm lịch cho vay số tiền 100.000.000 đồng (thể hiện theo tờ cam kết mượn tiền ngày 06/6/2022 âm). Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng.

- Ngày 04/7/2022 dương lịch bà có chuyển khoản cho ông L vay thêm số tiền là 90.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Hình thức giao tiền cho vay là

chuyển vào số tài khoản của Chị Hồ Mỹ N là con gái Ông Hồ Mắt L theo số tài khoản là 1015070707 tại Ngân hàng Vietcombank.

- Ngày 07/10/2022 đương lịch chuyển khoản cho vay thêm số tiền 50.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Hình thức giao tiền cho vay vẫn là chuyển vào số tài khoản Chị Hồ Mỹ N.

Tổng cộng 03 lần vay số tiền là 240.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Lãi trả hàng tháng, tiền vốn mượn thỏa thuận khi nào cần thì trả.

Các lần giao dịch vay này là giao dịch giữa bà Nhiên và ông L, chị Ng chỉ là người có số tài khoản mở tại Ngân hàng Vietcombank để ông L nhờ chị chuyển tiền vào.

Quá trình vay, ông L chưa trả được khoản lãi nào, nhưng đã trả vốn được 03 lần bằng hình thức chuyển khoản tổng cộng được 40.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện bà Nhiên yêu cầu ông L, bà C và chị Ng cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn là 200.000.000 đồng, lãi từ ngày 07/11/2022 đến ngày xét xử tạm tính 10 tháng bằng: $200.000.000đ \times 1.66\%/tháng \times 10 \text{ tháng} = 32.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn và lãi là 232.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện xác định chỉ yêu cầu ông L, bà C phải thanh toán vốn vay, không yêu cầu trách nhiệm chị Ng thanh toán nợ và không yêu cầu lãi đối với các bị đơn.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của Ông Hồ Mắt L ngày 02/02/2024 thể hiện: Ông không thừa nhận có vay tiền của Bà Giã Hồng N và cho rằng “Tờ cam kết mượn tiền mặt” ngày 06/6/2022 không phải chữ ký và chữ viết của ông L; đối với số tài khoản 1015070707 bà Nhiên đã chuyển khoản vào đúng là số tài khoản của Hồ Mỹ Nguyên con gái ông và số tài khoản này do chính ông L đã cung cấp cho bà Nhiên để giao dịch nhưng mục đích ông làm trung gian để chuyển giao tiền cho người khác nhưng ông không xác định cụ thể được người nhận tiền. Ông L xác định ông và vợ con ông không nợ tiền của Bà Giã Hồng N nên không đồng ý trả tiền và cũng không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của ông.

Đối với Bà Nguyễn Mỹ C và Chị Hồ Mỹ N: Mặc dù bà Chi, chị Ng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo cho các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà Chi, chị Ng vẫn không có mặt tại Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Giã Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt triệu tập hợp lệ để họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng Ông Hồ Mắt L, Bà Nguyễn Mỹ C và Chị Hồ Mỹ N vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn vay là 200.000.000đ phát sinh từ giao dịch dân sự. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình Tòa án làm việc ông L không thừa nhận có vay tiền và không thừa nhận các chữ ký tại tờ cam kết mượn tiền ngày 06/6/2022 do ông đã ký, nhưng ông L thừa nhận việc Bà Giã Hồng N chuyển tiền vào tài khoản 1015070707 của Hồ Mỹ Nguyên đối với các khoản tiền ngày 04/7/2022 với số tiền là 90.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 ngày 07/10/2022 là đúng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án có photo sao chụp bổ sung tài liệu tại hồ sơ Tòa án đình chỉ vụ án tại quyết định số 300/2023/QĐST-DS ngày 07/9/2023 cũng do Bà Giã Hồng N khởi kiện Ông Hồ Mất L và Bà Nguyễn Mỹ C đã được thụ lý tranh chấp từ khoản tiền này, chính bản thân ông L thừa nhận có vay tiền của bà Nhiên 03 lần, cụ thể là: Ngày 06/6/2022 âm lịch, tức là ngày 04/7/2022 dương lịch, cho vay số tiền 100.000.000 đồng, cùng ngày 04/7/2022, cho vay thêm 90.000.000đ, và ngày 07/10/2022 cho vay tiếp 50.000.000đ, tổng cộng là 240.000.000đ vốn, điều này phù hợp với biên nhận nợ đề ngày 06/6/2022 âm lịch, và hai giấy nộp tiền đề ngày 04/7/2022 và ngày 07/10/2022. Đối với ông L tại phiên Tòa trước cũng cho rằng không thiếu nợ bà Nhiên, các khoản ghi trong biên nhận và bà Nhiên chuyển khoản là nợ do thiếu nợ ông thông qua chung gian để thanh toán cho người khác và liên quan đến cá độ đá bóng nhưng không có gì để chứng minh nên chấp nhận lời trình bày của bà Nhiên về việc xác định số tiền vay 240.000.000đ đã thanh toán 40.000.000đ còn nợ lại 200.000.000đ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền này là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất cho vay: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán 10 tháng lãi suất với số tiền 32.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên Tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu về lãi, xét thấy sự tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp qui định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm thanh toán nợ hiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông L, bà C và chị Ng phải cùng có trách nhiệm thanh toán nợ với lý do cho rằng khi vay tiền bà C và chị Ng biết và vay tiền về sử dụng mục đích chung gia đình nên cả ba cùng có trách nhiệm thanh toán nợ tuy nhiên tại phiên Tòa nguyên đơn xác định rút yêu cầu đối với chị Ng xác định chỉ yêu cầu bà Chi, ông L cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Đối với bà C đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bà không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, bà cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Do đó hiện các bị đơn đều không chứng minh được số tiền trên chỉ sử dụng cá nhân của ông L. Trong khi đó, tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định “... Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 ... Vợ, chồng

chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 ...”. Do đó đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông L với bà C có trách nhiệm thanh toán nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều **463, 465, 466, 468** Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn** Buộc Ông Hồ Mất L và Bà Nguyễn Mỹ C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Giã Hồng N số tiền 200.000.000đ. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi; **Án phí sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí theo qui định pháp luật trên số tiền được chấp nhận.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều **463, 465, 466, 468** Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ông Hồ Mất L và Bà Nguyễn Mỹ C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Giã Hồng N số tiền 200.000.000đ.

Kể từ ngày Bà Giã Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Hồ Mất L, Bà Nguyễn Mỹ C không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Hồ Mất L, Bà Nguyễn Mỹ C phải nộp là 10.000.000 **đồng** (chưa nộp). Bà Giã Hồng N không phải nộp, ngày 03/10/2023 Bà Giã Hồng N **đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.800.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0008340 được hoàn lại khi bản án có hiệu lực.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc